THẾ NÀO LÀ "BẪY THU NHẬP TRUNG BÌNH"?

VŨ TRUNG DIỆN
Đại học Kyoto, Nhật Bản

Recently, the concept "middle income trap" has been much referred by mass media as well as attracted attention of domestic and international economists. Clarifying the concept "middle income trap" and identifying ways to escape middle income trap have also been paid special attention by developing countries.

Some East Asian economies have gained impressive economic growth rates and joined high income country club by concentrating efforts on developing and applying high technology like Japan, South Korea, Singapore, Taiwan (China). Nevertheless, few economies have fallen into middle income trap like Malaysia. This is attributed to their heavy dependence on foreign direct investment during industrialization process.

Vietnam has officially joined middle income nation group. However, it also has to face not small number of challenges that are needed to be solved in the long run to maintain high growth rate and avoid to fall into middle income trap. Accordingly, it is advisable to implement following solutions: to draw lessons from preceding countries; to renovate and improve education and training system; to introduce priority policy over efficient and dynamic enterprises...

Trong thời gian gần đây, khái niệm "Bẫy thu nhập trung bình" (BTNTB) được nhắc đến nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng, thu hút sự quan tâm, phân tích của nhiều chuyên gia kinh tế trong nước và quốc tế, nhiều phương án cũng đã được đề xuất để giúp Việt Nam tránh được BTNTB. Bài viết dưới đây sẽ cố gắng làm rõ hơn khái niệm BTNTB và đề xuất một số giải pháp để tránh BTNTB.[1]

1. Khái niệm

Nhờ những tiến bộ về giao thông và thông tin, ngày nay con người không cần phải gặp mặt nhau trực tiếp để làm việc. Những nước phát triển có thể cung cấp cho thị trường lao động đội ngũ quản lý, kỹ sư và các nhà thiết kế có trình độ cao. Đồng thời, họ lại tiếp cận thị trường lao động giá rẻ tại những nước nghèo, giúp tăng năng suất lao động và cho ra nhiều sản phẩm hơn với cùng một lượng tài nguyên đầu vào. Lợi ích mà các nước giàu thu được chính là thu nhập cao của lực lượng lao động có trình độ cao. Trong khi đó, các nước nghèo thu được lợi ích nhờ tăng năng suất lao động với sự ứng dụng công nghệ, thiết kế và sự quản lý bài bản từ các nước giàu. Thu nhập của lực lượng lao động tay nghề thấp cũng ngày càng tăng. Đây chính là lợi thế có được từ toàn cầu hóa.

Tuy nhiên, khi phân tích quá trình phát triển kinh tế tại các quốc gia, một câu hỏi được đặt ra là: Liệu các nước nghèo sẽ bắt kịp các nước giàu hay không? Trên thực tế, một số nước đã thành công. Trong ấn phẩm *"Some Macroeconomics in the 21st Century"* xuất bản năm 2000, nhà kinh tế học Robert E. Lucas Jr[2] đã đưa ra câu trả lời cho câu hỏi này là: "Có, tất cả các quốc gia sẽ trở nên giàu có vào năm... 2150". Theo Robert E. Lucas Jr, khi các công thức cho tăng trưởng được biết đến, các ý tưởng sản xuất cũng như công nghệ được lan tỏa và được áp dụng cho mọi quốc gia trên thế giới, các thế lực chống lại tiến trình phát triển đó sẽ bị thống trị bởi các lực lượng kinh tế. Thương mại toàn cầu và

[1] Tác giả trân trọng cảm ơn chuyên gia Bùi Trinh đã góp ý cho bài viết này.
[2] Đoạt giải Nobel Kinh tế năm 1995.

sự gia tăng của dòng luân chuyển vốn giúp đẩy nhanh quá trình này. Do vậy, trong tiến trình phát triển như trên, dường như không có khái niệm "Bẫy nghèo đói" hay "BTNTB" ở các quốc gia có thu nhập trung bình.

Tuy nhiên, đến năm 2007, mô hình kinh tế của Cơ quan nghiên cứu Kinh tế Quốc gia Mỹ đã chỉ ra rằng: lao động có thể lựa chọn giữa công việc làm công ăn lương hoặc làm quản lý. Cách thức hội nhập thị trường lao động toàn cầu sẽ tạo ra lợi ích đáng kể cho cả quốc gia giàu và quốc gia nghèo. Các ý tưởng, kế hoạch sản xuất đi theo dòng chảy từ nước giàu (Mỹ, Nhật Bản, châu Âu) tới các nước nghèo (Lào, Campuchia, Trung Quốc...) và dòng chảy của hàng hóa đi theo chiều ngược lại. Điều này làm cho các nước có mức thu nhập trung bình bị rơi vào tình trạng "lửng lơ" do không đủ trình độ, công nghệ để cạnh tranh với các nước giàu trong khi chi phí sản xuất không đủ rẻ để cạnh tranh với các nước nghèo; tình trạng này diễn ra trong một thời gian dài khiến các quốc gia có mức thu nhập trung bình không thể bắt kịp các nước phát triển. Năm 2007, trong ấn phẩm "An East Asian Renaissance"[3], Ngân hàng Thế giới (WB) chính thức đưa ra khái niệm "BTNTB". Từ đó đến nay, khái niệm này liên tục được nhắc đến tại các quốc gia có thu nhập trung bình và các quốc gia này đang tìm cách để thoát khỏi "BTNTB".

[3] Dịch: "Một Đông Á phục hưng".

2. Cách thức để thoát bẫy thu nhập trung bình

Việc một quốc gia thoát khỏi ngưỡng nghèo, vươn lên trở thành nước có thu nhập trung bình dễ hơn nhiều so với việc vươn lên trở thành nước có mức thu nhập cao. Nguyên nhân chính là lợi thế cạnh tranh khi chưa thoát khỏi ngưỡng nghèo: lương nhân công rẻ giúp các nước nghèo cạnh tranh tốt hơn trong các lĩnh vực như may mặc, giày dép... Các nhà máy mọc lên, tạo nhiều công ăn việc làm và thu nhập cũng tăng lên. Các nước có mức tăng trưởng kinh tế nhanh tại châu Á đều đi theo cách này.

Tuy nhiên, mô hình tăng trưởng này cuối cùng sẽ không còn tồn tại. Thu nhập tăng cũng kéo theo giá thành tăng, làm giảm năng lực cạnh tranh của các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ lạc hậu. Để tạo sự "nhảy vọt" – vươn lên trở thành nước có thu nhập cao - một nền kinh tế cần làm nhiều hơn việc chỉ đầu tư vốn và phát triển các nhà máy sử dụng công nghệ lạc hậu. Nền kinh tế cần đổi mới cách thức và sử dụng hiệu quả nguồn vốn cũng như nguồn lao động. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải vận hành theo một cách hoàn toàn khác: thay vì lắp ráp sản phẩm được thiết kế bởi nước khác và sử dụng công nghệ nhập khẩu, các doanh nghiệp cần đầu tư mạnh mẽ vào nghiên cứu và phát triển (R&D) và thu hút nhân lực có trình độ cũng như những công nhân có tay nghề cao, đầu tư phát triển các sản phẩm mới đem lại lợi nhuận cao. Đây là một thách thức rất lớn đối với các nước đang phát triển, hay nói cách khác, các nước đang phát triển khó tránh bị rơi vào BTNTB.

Học thuyết tăng trưởng hiện đại cho thấy các quốc gia thu nhập trung bình vùng Đông Á phải trải qua 3 quá trình biến đổi: *Một là*, sự đa dạng hóa sẽ giảm dần và sau đó sẽ tăng trở lại khi các quốc gia chuyên môn hóa hơn về sản phẩm và việc làm; *hai là*, đầu tư sẽ trở nên ít quan trọng hơn và cần phải đẩy nhanh tiến độ đổi mới; *ba là*, hệ thống giáo dục sẽ chuyển đổi từ việc đào tạo công nhân lao động chân

tay thuần túy sang đào tạo lao động có trình độ, cho phép họ làm chủ công nghệ và sẵn sàng cho việc định dạng các sản phẩm và tiến trình mới. Đây sẽ là các quá trình cần thiết để các nước này thoát khỏi tình trạng thu nhập trung bình.

Trong quá khứ, một số quốc gia Đông Á đã đạt được mức tăng trưởng ấn tượng và vươn lên gia nhập hàng ngũ những nước có thu nhập cao nhờ tập trung phát triển và ứng dụng công nghệ cao như Nhật Bản, Hàn Quốc, Xingapo, Đài Loan (Trung Quốc), giúp họ tránh được BTNTB.

Hàn Quốc là ví dụ điển hình nhất trong việc "nhảy vọt" từ một nền kinh tế đang phát triển trở thành một quốc gia phát triển. Những công ty như Samsung hay LG của Hàn Quốc đang trở thành những người dẫn đầu trong lĩnh vực điện tử. Bên cạnh Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc) cũng được đánh giá là nền kinh tế thành công trong việc thoát khỏi BTNTB.

Trái ngược với Hàn Quốc và Đài Loan, Malaixia sa lầy trong BTNTB từ sau Thế chiến thứ 2. Theo Micheal Shuman, nguyên nhân chính là sự khác biệt trong đường lối phát triển: Cả Hàn Quốc và Malaixia đều dựa vào xuất khẩu để tạo ra lợi thế nhanh chóng, gia tăng thu nhập nhưng ngay từ buổi bình minh phát triển theo định hướng xuất khẩu vào những năm 1960, Hàn Quốc đã xác định mục tiêu phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh quốc tế mang thương hiệu Hàn Quốc. Không dừng lại ở việc cung cấp cho các công ty đa quốc gia các thành phần cấu kiện hay thậm chí toàn bộ sản phẩm, các công ty hướng tới việc chế tạo sản phẩm riêng và mang thương hiệu Hàn Quốc. Mặc dù gặp nhiều khó khăn[4], nhưng các doanh nghiệp tư nhân đã rất nỗ lực theo đuổi mục tiêu đề ra trong thời gian dài, đồng thời nhận được hỗ trợ mạnh mẽ và đầy đủ từ khu vực tài chính và sự ủng hộ của Chính phủ. Điều này đã giúp Hàn Quốc có được vị thế như ngày nay.

Trái lại, Malaixia lệ thuộc quá nhiều vào đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) để vận hành tiến trình công nghiệp hóa. Mặc dù các công ty đa quốc gia đã cung cấp vốn, công ăn việc làm, chuyên gia và công nghệ, nhưng thay vì phát triển các sản phẩm mang thương hiệu Malaixia, được thiết kế tại Malaixia, mọi công nghệ, lợi nhuận lại chảy ngược về các nước phát triển, nơi các công ty đa quốc gia có trụ sở.

3. Một số đề xuất cho Việt Nam

Cuối năm 2010, WB xác nhận Việt Nam đã bước vào hàng ngũ những nước thu nhập trung bình và chỉ mất 7 năm để thoát khỏi tình trạng nước nghèo. Tuy nhiên, Việt Nam mới chỉ vào đến ngưỡng thu nhập trung bình thấp trong 3 mức thang của các quốc gia thu nhập trung bình (từ 1.000 - 12.000 USD/người được xếp là nước có mức thu nhập trung bình) và còn nhiều việc phải làm.

Những nước mới bước vào ngưỡng cửa thu nhập trung bình như Việt Nam sẽ phải đối mặt với những thách thức và cần có những giải pháp dài hạn để tiếp tục duy trì mức tăng trưởng ấn tượng như những nước đi trước. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, mặc dù đã có sự chuyển hướng ưu tiên sang sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm công nghệ cao như điện tử, nhưng cơ cấu kinh tế và cách thu hút FDI của Việt Nam hiện nay vẫn đang là trở ngại và Việt Nam khó tránh khỏi nguy cơ rơi vào BTNTB vì thực chất nền kinh tế Việt Nam vẫn là nền kinh tế gia công.

Việt Nam đã rất thành công trong thu hút vốn FDI và khu vực có vốn FDI thường được xem là điểm sáng trong hoạt động xuất nhập khẩu vì luôn duy trì được tình trạng xuất siêu. Tuy nhiên, theo đánh giá của nhiều chuyên gia, sự phát triển và tăng trưởng của các doanh nghiệp FDI vẫn chưa có nhiều tác động lan tỏa, kích thích đến nền kinh tế trong nước[5].

Theo đó, để thoát khỏi BTNTB, cần xem xét thực hiện một số giải pháp sau:

- *Thứ nhất*, cần phải rút ra bài học kinh nghiệm từ những nước đi trước, cụ thể là: về ngắn hạn, là một nước sản xuất, Việt Nam cần phát huy và gia tăng lợi thế kinh tế theo quy mô; về trung hạn, cần tiếp cận những công nghệ mới, nhanh chóng học hỏi, làm chủ được công nghệ.

Việt Nam có thể rút ra những bài học kinh nghiệm từ các nước láng giềng như Hàn Quốc và Malaixia để xác định chiến lược thoát "BTNTB". Các bước đi cần

---

(4) Trong những năm cuối thập kỷ 1980 đầu thập kỷ 1990, tập đoàn ô tô hàng đầu Hàn Quốc là Huyndai đã thất bại nặng nề tại thị trường ô tô Mỹ.

(5) Tham khảo nghiên cứu của tác giả Bùi Trinh. Đồng thời, một số khảo sát của Viện Kinh tế Việt Nam cho thấy một số doanh nghiệp FDI như "một góc trời riêng", toàn bộ các vấn đề về kỹ thuật, công nghệ và khâu hạch toán người Việt Nam không được biết vô hầu như "không liên quan gì".

được lên kế hoạch một cách thận trọng, tránh tình trạng đi vào vết xe đổ của các quốc gia đi trước.

- *Thứ hai*, cần đổi mới và cải tiến hệ thống giáo dục và đào tạo. Hiện đầu tư cho giáo dục, đào tạo chiếm tỷ lệ khá cao nhưng hiệu quả không cao so với đầu tư[6]. Bên cạnh đó, Việt Nam cần có chế độ để thu hút nhân tài. Những sinh viên giỏi nhất, thông minh nhất và có khả năng nhất cần được tuyển dụng vào các vị trí quan trọng và phù hợp.

- *Thứ ba*, cần có chính sách ưu tiên cho các công ty làm ăn hiệu quả, năng động. Ưu tiên đầu tư vào những dự án nghiên cứu hứa hẹn và minh bạch. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bùi Trinh, bài báo *"Đằng sau con số 8 tỷ đô la xuất khẩu của khu vực FDI"*. http://www.thesaigontimes.vn/Home/kinhdoanh/dautu/32452

2. Bùi Trinh, bài viết *"Cơ cấu kinh tế và tồn kho"* http://www.thesaigontimes.vn/Home/diendan/ykien/38991/

3. Eeckhout J. and Jovanovic B., *"Occupational Choice and Development"*, NBER Working Paper Series 2007.

4. Bài viết *"Lãnh đạo nền đại học: Tự huyễn hoặc, di hại nhiều năm"*. http://phapluattp.vn/20100607122744221p0c1019/lanh-dao-nen-dai-hoc-tu-huyen-hoac-di-hai-nhieu-nam.htm.

5. Nguyễn Xuân Hãn, *Một số câu hỏi quanh bản Báo cáo "Giáo dục Việt Nam Đầu tư và cơ cấu tài chính"* của Bộ Giáo dục và Đào tạo http://www.viet-studies.info/NXHan_MotSoCauHoi.htm

6. Robert E. Lucas Jr., *Some Macroeconomics for the 21st Century*, Journal of Economic Perspectives, Vol.4 No.1, pp. 159-168, 2000.

[6] Kinh phí cho giáo dục - đào tạo ở nước ta chiếm 9,2% GDP, tỷ trọng này cao hơn Mỹ (7,4%); Pháp (6,1%); Nhật Bản (4,8 %)... (Nguồn: số liệu của Tổng cục Thống kê).

QUÝ I/2011: NHẬP SIÊU CÓ XU HƯỚNG TĂNG

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong quý I/2011, kim ngạch xuất khẩu đạt 19,245 tỷ USD, tăng 33,7% so cùng kỳ; nhập khẩu đạt 22,274 tỷ USD, tăng 23,8%.

Trong quý I/2011, chè, than đá, phương tiện vận tải và phụ tùng là 3 mặt hàng duy nhất có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ năm trước. Còn lại, cà phê, cao su, sắn và sản phẩm đều tăng hơn gấp đôi; sắt thép, xăng dầu hơn gấp rưỡi; đa số khác có mức tăng từ 15% cho đến trên 30% so với cùng kỳ năm ngoái.

Mức tăng mạnh của kim ngạch xuất khẩu quý I có đóng góp lớn của tăng giá. Trong đó, nhiều mặt hàng có mức tăng giá rất cao như: cao su gần 70%; hạt tiêu xấp xỉ 60%; than đá 56%; cà phê trên 47%; hạt điều 35%...

Đối với nhập khẩu, tình hình cũng tương tự như xuất khẩu. Trong 30 mặt hàng được Tổng cục Thống kê đưa vào báo cáo, chỉ có 5 mặt hàng giảm về giá trị kim ngạch, còn lại khoảng 1/2 số mặt hàng có mức tăng từ 20-30%; những mặt hàng còn lại đều có mức tăng giá cao hơn, góp phần làm tăng kim ngạch nhập khẩu quý I.

Với kim ngạch xuất khẩu tăng cao hơn nhập khẩu, nhập siêu quý I năm nay là 3,029 tỷ USD, thấp hơn khoảng 400 triệu USD so với cùng kỳ năm 2010. Cụ thể, tháng 1/2011 nhập siêu đạt 0,88 tỷ USD, tháng 2/2011 đạt 1,11 tỷ USD; nhập siêu tháng 3/2011 đạt mức kỷ lục của quý I/2011, với con số ước tính là 1,15 tỷ USD. Như vậy, nhập siêu đang có xu hướng tăng dần theo các tháng.

Xung quanh vấn đề nhập siêu, trong vài năm gần đây, nhập siêu với Trung Quốc luôn xấp xỉ bằng tổng nhập siêu của Việt Nam, dẫn tới mất cân bằng cán cân vãng lai và cán cân thanh toán tổng thể. Những xáo trộn trên thị trường tiền tệ, những bất ổn vĩ mô có đóng góp một phần từ mức chênh lệch thương mại lớn với đối tác láng giềng này.

Năm 2010, Trung Quốc lần đầu tiên chính thức trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu khoảng 157 tỷ USD của Việt Nam trong năm 2010, Trung Quốc đạt 27,33 tỷ USD, chiếm tỷ trọng khoảng 17,4%, tăng thêm khoảng 3,1% so với con số 14,26% năm 2007.

Điều đáng chú ý là kể từ năm 2007, trong số 5 đối tác thương mại chính của Việt Nam, Trung Quốc là đối tác duy nhất duy trì được đà tăng trưởng kim ngạch thương mại hai chiều với Việt Nam, trong khi các đối tác khác "chùng xuống" trước tác động của khủng hoảng tài chính thế giới các năm 2008, 2009.

Trong khoảng gần 85 tỷ USD kim ngạch nhập khẩu năm 2010 của Việt Nam, Trung Quốc chiếm trên 20 tỷ USD. Trong số này, các mặt hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng chiếm khoảng 22,4%; vải các loại chiếm 11,1%; máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm 8,4%; sắt thép các loại chiếm 7,6%; còn lại chủ yếu là nguyên liệu đầu vào sản xuất. Nhóm hàng tiêu dùng như thủy sản, sữa, rau quả, bánh kẹo, dầu mỡ... chỉ chiếm khá thấp. Năm 2010, Việt Nam nhập siêu gần 13 tỷ USD với Trung Quốc.

Các con số trên cho thấy, nhập khẩu từ Trung Quốc của Việt Nam chủ yếu là nhóm hàng phục vụ khâu lắp ráp cần nhiều nhân công. Trong khi đó, phần nguyên liệu đầu vào nhập khẩu từ Trung Quốc cũng cho thấy, các ngành Việt Nam có khả năng cạnh tranh với Trung Quốc chủ yếu là các sản phẩm giá trị gia tăng thấp như dệt may, giày dép, nhựa, gỗ, giấy, thép, sản phẩm phục vụ sản xuất nông nghiệp... Theo Ngân hàng Thế giới, điều này cho thấy Việt Nam là điểm cuối trong mạng lưới sản xuất toàn cầu của nhiều mặt hàng chi phí thấp, sử dụng nhiều lao động. □

P.V